



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 22 (29/05-02/06/23)

*Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và Market
Vector Vietnam Local Index Quý 2 năm 2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Lãi suất giảm tạo nền nhưng chỉ số chưa thoát khỏi xu hướng giằng co*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 2 năm 2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng*
4. PTKT VN-INDEX: *Giao dịch trong biên độ hẹp từ 1,055 – 1,073 chờ phiên giao dịch xác lập xu hướng*
5. TIN VĨ MÔ: *NHNN tiếp tục hạ lãi suất từ ngày 25/5*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Xây dựng và Vật liệu +3.36%*
8. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Lãi suất giảm tạo nền nhưng chỉ số chưa thoát khỏi xu hướng giằng co

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1063.76	-0.31%
GTGD/phiên (tỷ VND)	10,781.81	-1.20%
Khối ngoại (tỷ VND)	-2369.55	
HNX-INDEX	217.64	1.74%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1418.54	-7.07%
Khối ngoại (tỷ VND)	36.26	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4205.45	1.30%	0.32%	0.86%
EU (EURO STOXX)	4337.50	1.59%	-1.32%	-0.50%
China (SHCOMP)	3212.50	0.35%	-2.16%	-1.60%
Japan (NIKKEI)	30916.31	0.37%	0.35%	8.02%
Korea (KOSPI)	2558.81	0.16%	0.83%	2.98%
Singapore (STI)	3207.39	-0.01%	0.15%	-2.27%
Thailand (SET)	1530.84	-0.30%	1.05%	-0.61%
Phillipines (PCOMP)	6530.20	-0.46%	-2.02%	-0.81%
Malaysia (KLCI)	1402.98	0.04%	-1.79%	-0.80%
Indonesia (JCI)	6687.00	-0.26%	-0.20%	-3.23%
Vietnam (VNIndex)	1063.76	-0.08%	-0.31%	2.79%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1052.70	-0.76%	17,009	46,597
VN30F2305	1074.80	1.32%	49	716
VN30F2306	1056.50	-0.41%	4	268
VN30F2309	1052.90	-0.75%	12	151

TTCK VIỆT NAM

Giao dịch giằng co, dòng tiền luân chuyển liên tục

Đón nhận thông tin NHNN hạ lãi suất, VN-Index vẫn giảm 0.3% trước áp lực chốt lãi và bán ra của khối ngoại. Khối ngoại bán ròng 95 triệu USD trong tuần cản trở đà hồi phục cho dù dòng tiền có dấu hiệu cải thiện. Dòng tiền luân chuyển nhanh qua các lớp ngành như xây dựng, dầu khí, chứng khoán và ở các cổ phiếu vừa và nhỏ vốn không bị ảnh hưởng bởi hoạt động bán ra từ khối ngoại. Thị trường vẫn có 60% cổ phiếu và 12/19 ngành tăng điểm. Tương đồng diễn biến tuần trước, lực bán xuất hiện ở vùng giá cao và lực mua tốt ở vùng giá thấp giữ cho VN-Index vận động trong vùng giá hẹp. Chỉ số dự báo tiếp tục đi ngang tuần tới do thiếu yếu tố đột biến. Hoạt động trading mua thấp bán cao vẫn có thể cân nhắc trong ngắn hạn.

Ngân hàng nhà nước đã thực hiện giảm lãi suất điều hành lần thứ 3 chỉ trong hơn 2 tháng với mức giảm bình quân 1% cho tất cả mặt bằng lãi suất điều hành. Tính đến 16/5, huy động và dư nợ toàn nền kinh tế tăng lần lượt 2.1% và 2.7% so cuối năm 2022. Tăng trưởng tín dụng tín dụng thấp so cùng kỳ cho dù thanh khoản dồi dào và chưa bị giới hạn trần. Nguyên nhân đến từ sự hấp thụ vốn của nền kinh tế, doanh nghiệp đặc biệt ở lĩnh vực BĐS. Bên cạnh hạ lãi suất, SBV cũng yêu cầu TCTD triển khai quy định cơ cấu thời gian trả nợ và giữa nguyên nhóm nợ theo TT02 đồng thời tích cực triển khai gói tín dụng 120 nghìn tỷ nhà ở xã hội. Tăng trưởng tín dụng đang có yếu tố thuận lợi để tăng tốc trong nửa cuối năm 2023.

TTCK THẾ GIỚI

Thị trường vẫn dè dặt trước nỗi lo trần nợ Hoa Kỳ

Sau chuỗi 4 phiên giảm điểm khi vấn đề trần nợ công chưa được giải quyết, TTCK có phiên tăng điểm nhờ nhóm cổ phiếu công nghệ. Tính chung 5 phiên giao dịch, chỉ số DJ và SP500 giảm bình quân 1.5% trong khi Nasdaq tăng 1%. Kinh tế Đức rơi vào suy thoái kỹ thuật với 2 quý giảm liên tiếp kéo theo chỉ số EU600 giảm 2.4%, dẫn đầu là mức giảm trên 4% của thị trường Đức, Pháp và Ý. TTCK Nhật Bản vẫn là điểm sáng Châu Á với chuỗi tuần tăng ấn tượng trong khi Trung Quốc giảm điểm. Chỉ số DXY tiếp tục tăng thêm 0.8% đi cùng sự giảm của kim loại quý và mức giảm trên 1% của thị trường hàng hóa. Giá quặng sắt cũng giảm mạnh 10.8%, ghi nhận mức giảm 24%yoy. Trong tuần tới, các cuộc họp trần nợ Hoa Kỳ sẽ là tâm điểm của thị trường.

Trần nợ tiếp tục là vấn đề thời sự tuần qua khi Hoa Kỳ có nguy cơ vỡ nợ trước khoản nợ 31 nghìn tỷ nếu không được 2 viện thông qua trước 1/6. Các cuộc họp trước đó rơi vào bế tắc. Chủ tịch hạ viện đổ lỗi cho Nhà Trắng không có động thái cắt giảm chi tiêu trong khi Tổng thống cho rằng đề xuất nợ công của Đảng cộng hòa là không thể chấp nhận. Tuy nhiên cả 2 đều lạc quan về khả năng đạt được thỏa thuận trước thời hạn chót. Kinh tế trưởng của Moody's Analytics nhận định nếu tình trạng vỡ nợ trong 1 tuần, nền kinh tế Hoa Kỳ suy yếu và mất 1.5 triệu việc làm. Trường hợp khủng hoảng kéo dài đến mùa hè, tăng trưởng Hoa Kỳ giảm mạnh, mất 7.8 triệu việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 3.4% lên 8%. Lãi suất cho vay tăng cao, TTCK lao dốc và cuốn bay 10 nghìn tỷ tài sản của các hộ gia đình.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục FTSE Vietnam Index và Market Vector Vietnam Local Index Quý 2 năm 2023

Ngày 02/06/2023, FTSE dự kiến sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, tiếp sau đó 1 tuần (09/06/2023), MarketVector cũng sẽ công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MarketVector Vietnam Local Index.

Ngày 16/06/2023 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của các ETF tham chiếu theo các bộ chỉ số này.

Trên cơ sở dữ liệu tại ngày 23/05/2023, BSC dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

- **MarketVector Vietnam Local Index:** dự kiến sẽ thêm mới và loại bỏ các cổ phiếu sau:

+ Thêm mới các cổ phiếu: **EIB, CEO, PC1**

+ Loại bỏ cổ phiếu: **HNG** do không đáp ứng điều kiện giá trị vốn hóa lũy kế

Ngoài ra các cổ phiếu **HDG, DXG** ở ngưỡng tỷ trọng vốn hóa lũy kế và có thể có nguy cơ bị loại nếu không đáp ứng 98% tỷ trọng lũy kế

- **FTSE Vietnam Index:** dự kiến sẽ thêm mới cổ phiếu **KDC** và sẽ không loại bỏ cổ phiếu nào

Giá trị tính toán có thể thay đổi do ngày chốt dữ liệu, hệ số tỷ lệ free-float mà MarketVector và FTSE áp dụng.

Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF VNM và FTSE Vietnam dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã CK	MarketVector Vietnam			FTSE Vietnam			Tổng hợp			Ghi chú
		Tỷ trọng	Tỷ trọng	SLCP mua/bán	Tỷ trọng	Tỷ trọng	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	
1	PC1	0.00%	1.22%	4,976,326	0.00%	0.00%	0	4,976,326	1,701,126	2.33	Dự kiến thêm mới trong MarketVector
2	EIB	0.00%	2.27%	13,573,874	1.59%	1.66%	(-276,367)	13,297,507	10,071,415	1.32	Dự kiến thêm mới trong MarketVector
3	KDC	1.39%	1.18%	(-375,765)	1.51%	0.00%	1,845,779	1,470,014	1,195,532	1.23	Dự kiến thêm mới trong FTSE Vietnam
4	CEO	0.00%	1.31%	5,919,246	0.00%	0.00%	0	5,919,246	8,132,774	0.73	Dự kiến thêm mới trong MarketVector
5	VCB	5.73%	6.00%	342,276	8.84%	8.74%	81,517	423,792	989,020	0.43	
6	VIC	7.50%	8.00%	1,118,264	12.48%	12.58%	(-154,880)	963,384	2,638,300	0.37	
7	HPG	6.14%	6.50%	1,951,655	12.23%	11.74%	1,780,474	3,732,128	19,497,742	0.19	
8	VND	4.30%	4.24%	(-455,060)	2.20%	1.84%	1,710,353	1,255,293	22,641,060	0.06	
9	VNM	6.63%	7.00%	649,661	8.96%	9.43%	(-545,201)	104,460	2,152,930	0.05	
10	KBC	1.79%	1.68%	(-480,002)	2.26%	1.95%	311,482	431,480	8,903,602	0.05	
11	PDR	1.23%	1.26%	267,937	0.00%	0.00%	0	267,937	7,259,481	0.04	
12	HSG	1.09%	1.09%	(-26,839)	0.96%	0.87%	440,950	414,112	12,634,472	0.03	
13	POW	1.89%	1.76%	(-1,107,981)	1.46%	1.23%	1,332,230	224,250	7,037,524	0.03	
14	DXG	0.71%	0.70%	(-60,417)	0.86%	0.82%	235,957	175,540	18,367,172	0.01	
15	VIX	1.44%	1.45%	174,479	0.00%	0.00%	0	174,479	20,573,795	0.01	
16	SHS	1.13%	1.06%	(-692,828)	0.00%	0.00%	0	(-692,828)	20,662,688	(-0.03)	
17	DIG	1.66%	1.31%	(-2,020,839)	1.26%	1.19%	281,303	(-1,739,536)	24,405,362	(-0.07)	
18	PVS	1.27%	1.13%	(-555,022)	0.00%	0.00%	0	(-555,022)	6,127,654	(-0.09)	
19	SSI	5.37%	5.50%	669,295	4.39%	5.09%	(-2,417,338)	(-1,748,043)	19,226,143	(-0.09)	
20	NVL	3.33%	3.02%	(-2,789,600)	1.88%	1.70%	1,089,942	(-1,699,658)	17,299,583	(-0.10)	
21	HDG	0.75%	0.70%	(-172,075)	0.00%	0.00%	0	(-172,075)	1,573,879	(-0.11)	
22	GEX	1.43%	1.28%	(-1,194,168)	1.11%	1.19%	(-419,155)	(-1,613,324)	14,271,984	(-0.11)	
23	SHB	2.60%	2.36%	(-2,353,806)	2.01%	2.10%	(-583,805)	(-2,937,611)	25,491,736	(-0.12)	
24	VCG	1.11%	1.04%	(-400,290)	0.72%	0.82%	(-387,947)	(-788,236)	6,712,671	(-0.12)	
25	VCI	2.94%	2.78%	(-550,798)	1.89%	1.93%	(-98,500)	(-649,298)	5,072,950	(-0.13)	
26	TCH	0.82%	0.74%	(-1,133,504)	0.00%	0.00%	0	(-1,133,504)	8,313,514	(-0.14)	
27	HAG	1.01%	0.90%	(-1,587,398)	0.00%	0.00%	0	(-1,587,398)	10,771,659	(-0.15)	
28	KDH	0.82%	0.72%	(-386,543)	0.00%	0.00%	0	(-386,543)	2,354,577	(-0.16)	
29	PVD	1.04%	0.96%	(-390,953)	1.09%	1.27%	(-536,817)	(-987,771)	5,627,304	(-0.18)	
30	HUT	0.90%	0.81%	(-615,328)	0.00%	0.00%	0	(-615,328)	2,462,953	(-0.25)	
31	SBT	1.34%	1.21%	(-947,901)	0.00%	0.00%	0	(-947,901)	3,691,620	(-0.26)	
32	DCM	0.93%	0.81%	(-576,902)	0.00%	0.00%	0	(-576,902)	2,104,298	(-0.27)	
33	VJC	2.07%	1.79%	(-338,317)	2.93%	3.09%	(-124,499)	(-462,816)	1,635,771	(-0.28)	
34	DGC	1.91%	1.70%	(-478,050)	1.79%	1.83%	(-68,262)	(-546,312)	1,768,575	(-0.31)	
35	IDC	1.64%	1.40%	(-732,662)	0.00%	0.00%	0	(-732,662)	2,346,151	(-0.31)	
36	DPH	1.14%	0.98%	(-585,796)	1.03%	1.16%	(-330,303)	(-916,099)	1,841,354	(-0.50)	
37	VPI	1.72%	1.51%	(-459,528)	0.00%	0.00%	0	(-459,528)	900,630	(-0.51)	
38	MSN	4.65%	4.63%	(-41,436)	8.25%	8.92%	(-746,708)	(-788,144)	1,432,832	(-0.55)	
39	VRE	3.22%	2.86%	(-1,548,350)	4.61%	4.85%	(-693,293)	(-2,241,643)	3,159,199	(-0.71)	
40	BVH	1.28%	1.14%	(-377,313)	0.00%	0.00%	0	(-377,313)	470,822	(-0.80)	
41	VHM	8.59%	8.00%	(-1,292,522)	13.69%	13.98%	(-428,825)	(-1,721,347)	1,968,542	(-0.87)	
42	VHC	1.57%	1.35%	(-445,199)	0.00%	0.00%	0	(-445,199)	432,773	(-1.03)	
43	SAB	3.05%	2.64%	(-299,840)	0.00%	0.00%	0	(-299,840)	141,557	(-2.12)	
44	HNG	0.59%	0.00%	(-18,718,100)	0.00%	0.00%	0	(-18,718,100)	6,581,097	(-2.84)	Dự kiến bị loại khỏi MarketVector

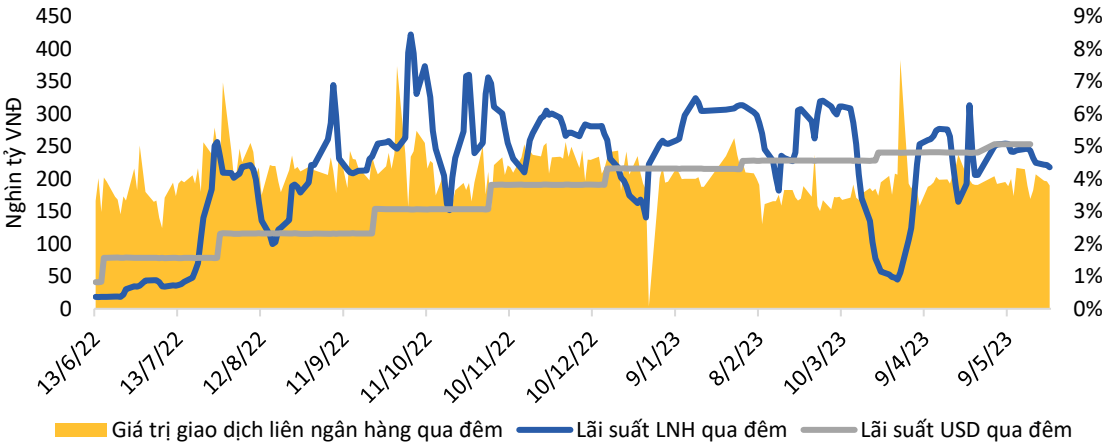
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86
Tuần 16	17/4/2023	21/4/2023	29,591.92	7,285.88	-22,306.04
Tuần 17	24/4/2023	28/4/2023	6,819.29	23,920.82	17,101.53
Tuần 18	1/5/2023	5/5/2023	4,398.93	1,757.18	-2,641.75
Tuần 19	8/5/2023	12/5/2023	60,572.26	5,814.01	-54,758.25
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	0.00	49,547.41	49,547.41

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	4.40%	4.52%	4.49%	4.98%	6.21%	8.16%	8.58%
So với tuần trước	-0.37%	-0.32%	-0.42%	-0.27%	0.04%	0.59%	-0.10%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	194,295.33	14,381	5,818	3,287	3,112	518	2
So với tuần trước	0.97%	-9.75%	39.24%	356.74%	-31.44%	40.17%	-84%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 24/05/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 21, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV thực hiện mua 547.61 tỷ đồng giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 49.55 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 4.40%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 194.30 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: *Giao dịch trong biên độ hẹp từ 1,055 – 1,073 chờ phiên giao dịch xác lập xu hướng*

Đồ thị ngày: VN-Index tiếp tục giao dịch giằng co trong biên độ hẹp, với ngưỡng hỗ trợ 1055 điểm (vùng hội tụ với các đường SMA20, 50 và 100) và đường kênh giá trên tại 1,073 điểm. Những phiên rung lắc liên tiếp diễn ra trong tuần tuy nhiên lực cầu vùng giá thấp tốt giúp cho chỉ số nằm trong mô hình tích lũy systematic triangle. Các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức trung bình và chưa có tín hiệu phân kỳ trong khi dải bollinger giữ và hướng nhẹ lên trên.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Giảm nhẹ từ mức 59 xuống 54 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 5% so tuần trước.
- VN-Index duy trì trên SMA20, 50 và SMA100.

Nhận định: Áp lực bán ở vùng giá cao và cầu mua vào ở vùng giá thấp vẫn giữ VN-Index tích lũy trong biên hẹp 1,055 – 1,073 điểm. Chỉ số đang cần một phiên tăng điểm hoặc rũ mạnh để thoát khỏi vị thế giằng co hiện tại. Dù vậy diễn biến giao dịch cân bằng đang cho thấy VN-Index chưa sớm xác định xu hướng rõ ràng trong ngắn hạn. Giao dịch giằng co trong biên độ hẹp và động thái luân chuyển các ngành sẽ vẫn là xu thế chính trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: NHNN tiếp tục hạ lãi suất từ ngày 25/5

VIỆT NAM:

- Quốc hội: Khai mạc kỳ họp thứ 5. Kỳ họp lần này được chia làm 02 đợt - họp tập trung tại Nhà Quốc hội: đợt 1 từ ngày 22/5 đến ngày 10/6; đợt 2 từ ngày 19/6 đến ngày 24/6. Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 08 dự án luật, 03 nghị quyết quy phạm pháp luật và nhiều nội dung quan trọng khác.
- Quốc hội: Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế cần lưu ý thực hiện 5 giải pháp nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.
- Chính phủ: thống nhất trình Quốc hội giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) 2% nhưng trừ nhóm hàng viễn thông, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng.
- NHNN: Quyết định 950/QĐ-NHNN ngày 23/05/2023 v/v giảm LSHH từ ngày 25/05/2023 theo đó LSCV qua đêm của NHNN đối với TCTD giảm từ mức 6.0%/năm xuống 5.5%/năm; LSTCV giảm từ mức 5.5%/năm xuống 5.0%/năm; LSTCK giữ nguyên ở mức 3.5%/năm.
- NHNN: Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/05/2023 quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) theo đó lãi suất tối đa kỳ hạn dưới 1 tháng giữ nguyên ở mức 0.5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ mức 5.5%/năm xuống 5.0%/năm.
- Ngân hàng: Ngày 25/5 NHNN họp với lãnh đạo các NHTM thống nhất hạ lãi suất tiền vay. Đây là diễn biến tiếp theo sau động thái giảm một số loại lãi suất điều hành trước đó.
- Tổng cục Hải quan: tổng trị giá XNK hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 5/2023 (từ ngày 1/5 đến ngày 15/5/2023) đạt 23.89 tỷ USD, giảm 10.8% (tương ứng giảm 2.89 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa cuối tháng 4/2023.
- Cục Hàng hải Việt Nam: giai đoạn 2015-2022, sản lượng hàng hóa qua cảng biển đã tăng trưởng gần gấp đôi, bình quân 8.4%, trong đó, riêng hàng container.
- Chính phủ: ban hành văn bản số 439/TTg-KTTH ngày 19/05/2023 v/v các giải pháp nâng cao khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.
- Đầu tư công: Giữa tháng 6 khởi công cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng. Dự án có tổng mức đầu tư khoảng 11.961 tỷ đồng sử dụng từ nguồn ngân sách T.Ư và địa phương.

THẾ GIỚI:

- FED: các bài phát biểu của các quan chức xen lẫn giữa điều hòa và bờ câu.
- Hoa Kỳ: Chủ tịch Hạ viện cho biết vẫn chưa đạt được thỏa thuận chung về trần nợ sau cuộc gặp mặt với Tổng thống Joe Biden.
- Hoa Kỳ: Biên bản cuộc họp FOMC cho thấy các quan chức không ủng hộ việc tăng lãi suất hơn nữa và việc tăng trần nợ kịp thời là rất quan trọng.
- S&P Global: PMI sản xuất tháng 05 của Hoa Kỳ đạt 48.5 điểm – thấp hơn mức 50 điểm dự kiến, PMI dịch vụ đạt 55.1 điểm – cao hơn mức 52.6 điểm dự kiến.
- Hoa Kỳ: Lãi suất thế chấp tăng lên mức cao nhất trong hơn 2 tháng, cụ thể lãi suất hợp đồng trung bình đối với các khoản thế chấp có lãi suất cố định 30 năm với số dư khoản vay phù hợp đã tăng 12 điểm cơ bản lên 6.69% - mức cao nhất kể từ đầu tháng 3.
- Financial Times: Thị trường trái phiếu sôi động trở lại khi nhiều nhà đầu tư lớn trên toàn cầu bị hấp dẫn bởi mức lợi suất cao của trái phiếu.
- Trung Quốc: PBoC duy trì lãi suất cho vay cơ bản ổn định trong tháng thứ 9 liên tiếp khi ấn định vào tháng 5. Lãi suất cơ bản cho vay một năm (LPR), là cơ sở cho vay trung hạn được sử dụng cho các khoản vay của doanh nghiệp và hộ gia đình, được giữ nguyên ở mức 3.65%.
- Eurozone: Sản lượng xây dựng tại Khu vực đồng Euro đã giảm 1.5% so với cùng kỳ năm ngoái vào T03/2023, sau khi mức tăng trưởng được điều chỉnh giảm xuống 2.1% trong tháng trước. Điều này đánh dấu sự sụt giảm mạnh nhất về sản lượng xây dựng kể từ T08/2021.
- Anh: Thống đốc NHTW cho biết việc tăng lãi suất cần được tiến hành cẩn thận và BoE đang tiến đến gần đỉnh lãi suất.
- Anh: CPI tăng 8.7% trong 12 tháng tính đến T04/2023, giảm từ mức 10.1% T03/2023. Tỷ lệ lạm phát đã vượt quá kỳ vọng của thị trường là 8.2% và vẫn cao hơn mục tiêu 2.0% của NHTW Anh (BoE)
- Bloomberg: Giới đầu tư đang lên kế hoạch tăng cường tiếp xúc với các tài sản ở thị trường mới nổi khi nền kinh tế Hoa Kỳ đối mặt với nguy cơ suy thoái.
- Nhật Bản: Thay đổi mục tiêu kiểm soát đường cong lợi suất từ vùng 10 năm xuống vùng 5 năm là điều có thể xảy ra.

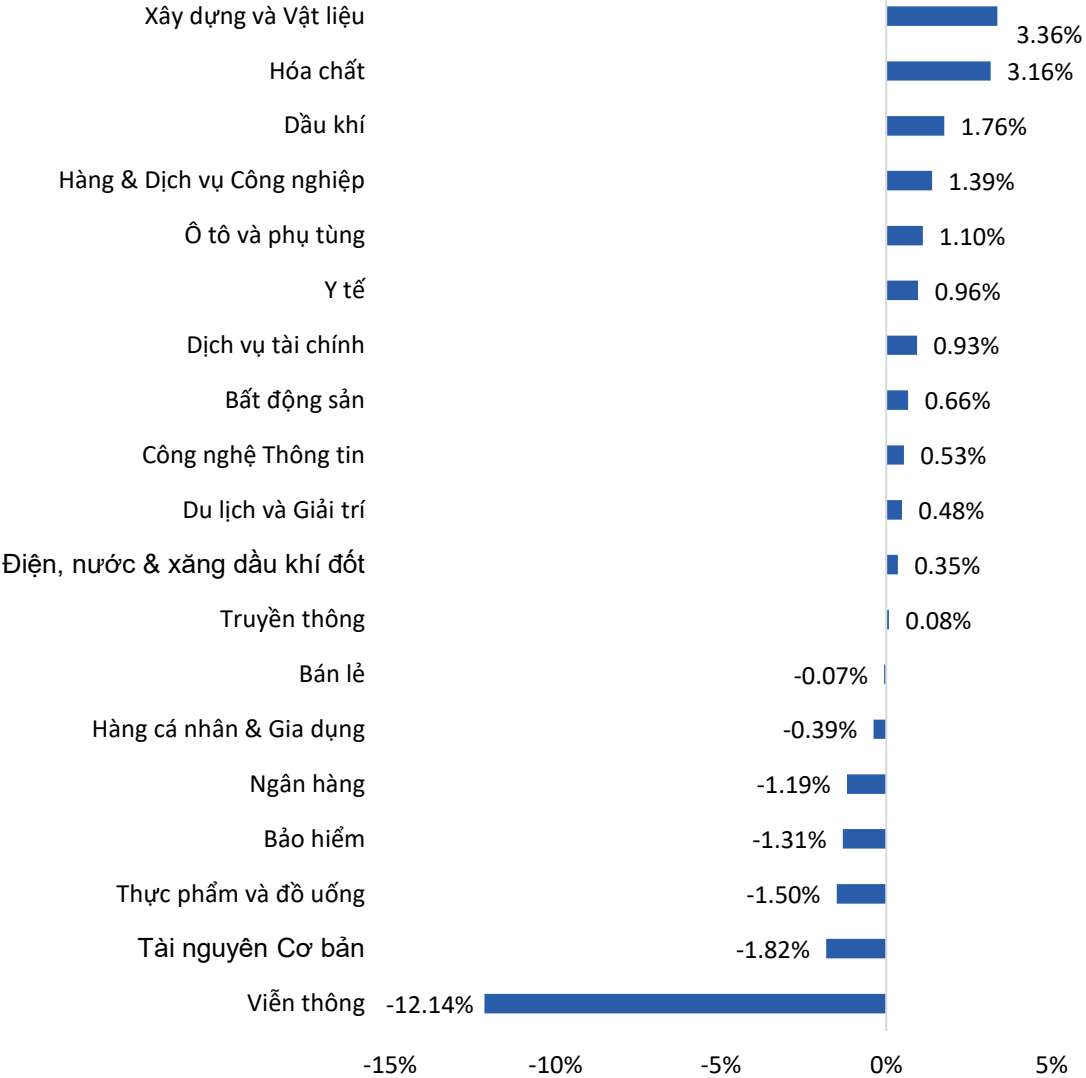
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 5;
- Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV từ ngày 22/5 đến 23/6;
- 30/5, Doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp Nhật; CPI Đức, Pháp; chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 31/5, PMI Trung Quốc; GDP Canada, Thụy Sĩ; CPI Australia. 1/6, PMI, tỷ lệ thất nghiệp, biên bản chính sách tiền tệ EU

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Xây dựng và Vật liệu	0.76%	3.36%	7.81%	CTD	1.11%	HT1	3.99%
Hóa chất	1.43%	3.16%	6.82%	DRC	1.67%	DGC	0.20%
Dầu khí	0.41%	1.76%	7.47%	PLX	0.13%	GAS	-1.26%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.86%	1.39%	3.37%	GDM	-1.59%	VSC	1.08%
Ô tô và phụ tùng	0.79%	1.10%	2.80%	VEA	1.31%	0	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	72.67	1.17%	1.37%	-2.05%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	76.95	0.90%	1.81%	-0.99%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	270.34	1.12%	4.94%	7.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,946.46	0.26%	-1.59%	-2.14%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.30	2.46%	-2.31%	-6.35%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,337.25	1.00%	2.29%	-5.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	616.00	1.94%	1.82%	-4.05%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.88	-1.43%	-1.12%	-7.57%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	207.70	0.34%	-2.35%	-1.42%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	25.37	2.17%	-1.59%	-1.59%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	181.60	-0.60%	-5.42%	-5.22%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,135.00	2.17%	-1.41%	-6.82%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,447.00	0.20%	-4.49%	-10.54%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,237.50	0.29%	-2.01%	-6.03%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	685.50	0.44%	-5.90%	-7.92%		HPG
Than đá	USD/MT	137.15	-1.33%	-13.47%	-30.06%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	504.24	0.72%	-3.73%	-11.28%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

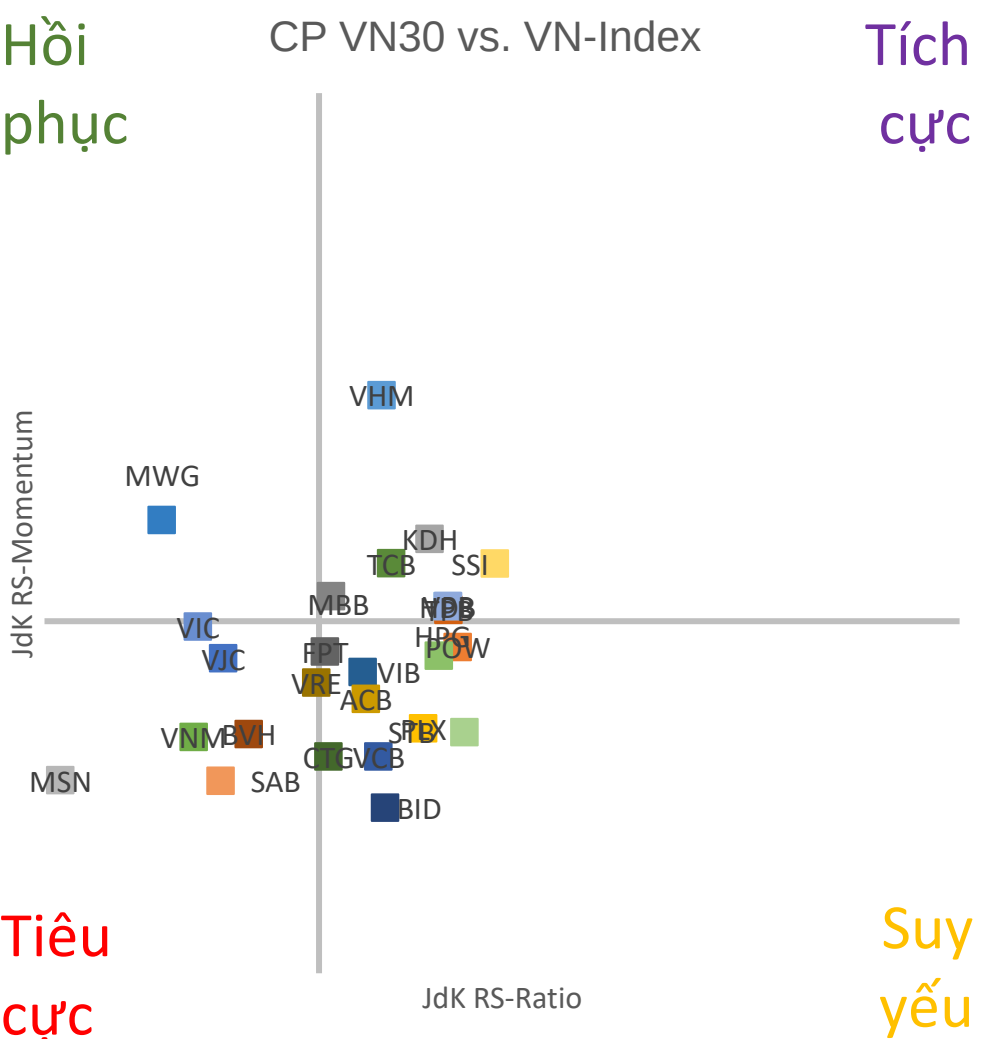
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VHM	1.66%	0.98
GVR	5.85%	0.95
PGV	9.57%	0.62
REE	4.77%	0.25
TCB	0.84%	0.22
EIB	2.62%	0.19
GEX	6.01%	0.18
CII	14.95%	0.16
VCG	6.41%	0.15
HVN	2.01%	0.14
Tổng		3.84

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-2.34%	-2.61
BID	-2.25%	-1.27
HPG	-3.21%	-1.02
SAB	-3.24%	-0.83
VNM	-2.19%	-0.78
GAS	-1.26%	-0.58
VIC	-0.95%	-0.48
STB	-2.33%	-0.31
VPB	-0.78%	-0.25
CTG	-0.71%	-0.24
Tổng		-8.37

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VRE	105.18	
VIC	79.24	12.88
POW	60.76	7.96
VCB	39.51	23.53
PVS	25.22	20.72
EIB	24.04	8.59
NT2	21.39	
DTD	20.78	5.22
FRT	20.18	29.66
HCM	16.39	46.84
Tổng	412.70	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VND	-340.97	21.66
HPG	-329.00	24.45
VNM	-315.98	55.09
CTG	-208.64	27.52
MSN	-154.10	30.09
HSG	-144.75	16.55
KBC	-129.95	18.72
FUEVFN	-126.56	
NVL	-116.43	5.76
DPM	-100.02	
Tổng	-1966.38	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	103.4269	106.4159	32.53%
KDH	106.0603	102.3277	17.09%
BVH	96.16693	96.78588	-11.12%
TPB	107.0868	100.312	9.57%
MBB	100.6739	100.7039	6.96%
TCB	103.9508	101.6361	12.83%
HDB	107.0304	100.418	4.84%
GVR	104.7255	104.0982	18.62%
SSI	109.6216	101.6304	23.56%
VPB	107.0725	100.4247	12.32%
PDR	89.2691	134.5503	13.08%
NVL	76.28153	148.3355	22.17%
MWG	91.42676	102.8672	-3.05%
POW	107.5897	99.26142	12.40%
PLX	105.6988	96.95334	-3.21%
VIB	102.4007	98.54993	4.06%
FPT	100.3286	99.13129	3.23%
BID	103.631	94.69283	-9.58%
CTG	100.5228	96.1521	-5.44%
HPG	106.5609	99.0118	5.50%
ACB	102.5731	97.78428	0.00%
VCB	103.2644	96.147	-0.22%
STB	107.9614	96.84323	14.53%
VJC	94.7763	98.94011	-1.90%
VNM	93.16048	96.70653	-12.29%
VRE	99.86518	98.24929	3.75%
SAB	94.64487	95.45544	-16.62%
MSN	85.87594	95.47516	-10.45%
VIC	93.38644	99.8435	-1.89%
GAS	92.2962	96.61417	-11.52%



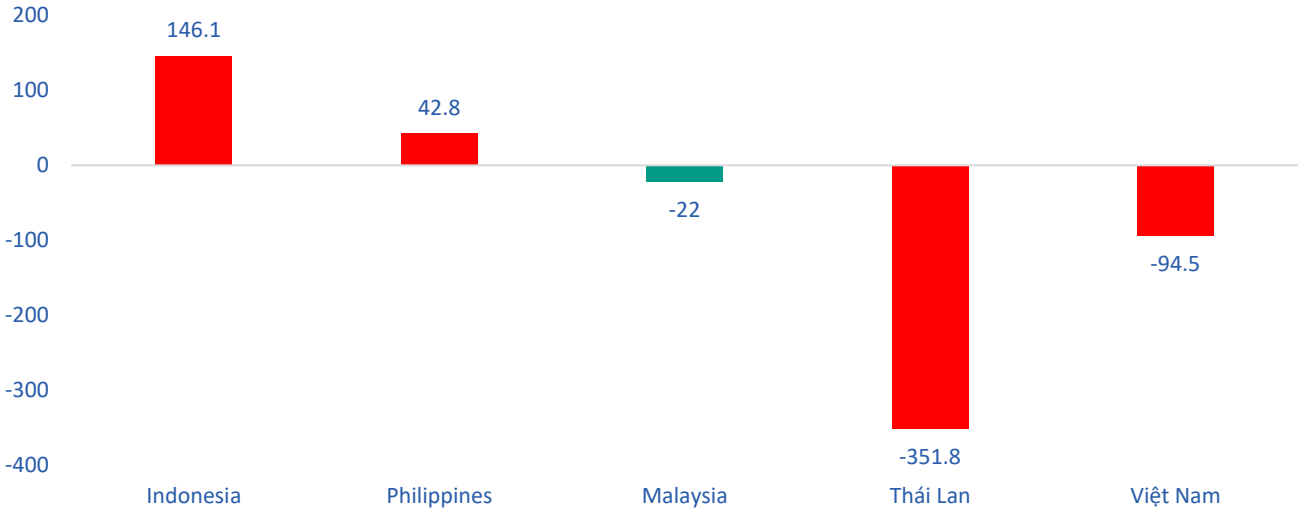
Nguồn: Bloomberg

- Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc
- Tích cực → nên trong danh sách mua
 - Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
 - Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
 - Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(279.4)	(974.3)	(506.6)	(2,429.4)
Indonesia	146.1	16.8	845	1290.3
Philippines	42.8	-8.1	26.2	-492.1
Malaysia	-22	-83.6	-139.7	-562.6
Thái Lan	-351.8	-813.8	-1044.7	-2690.3
Việt Nam	-94.5	-85.6	-193.4	25.3
Các nước	4,024.6	9,678.0	9,667.1	20,625.1
Hàn Quốc	1066.5	2239.4	2855.5	8325.1
Đài Loan	2279.2	3683.8	1131	9101.1
Ấn Độ	678.9	3755.1	5678.1	3195.6
Sri Lanka	0	-0.3	2.5	3.3

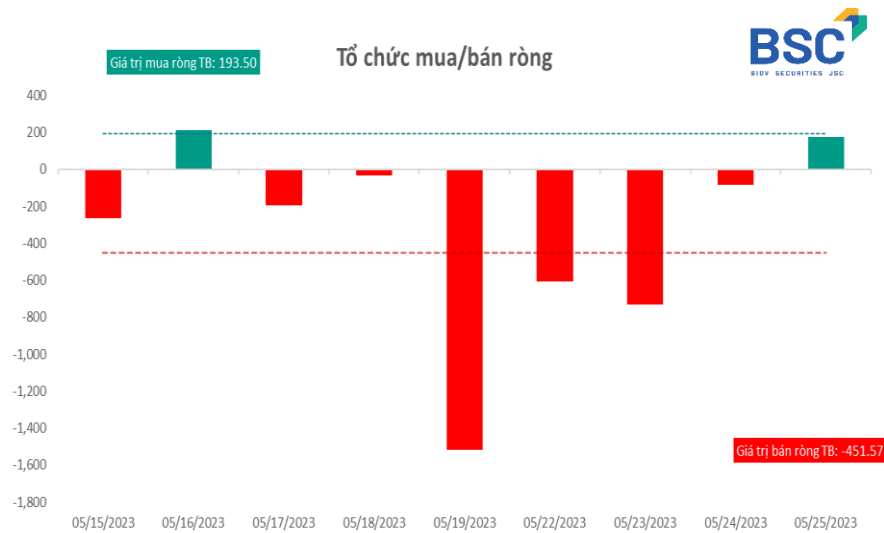
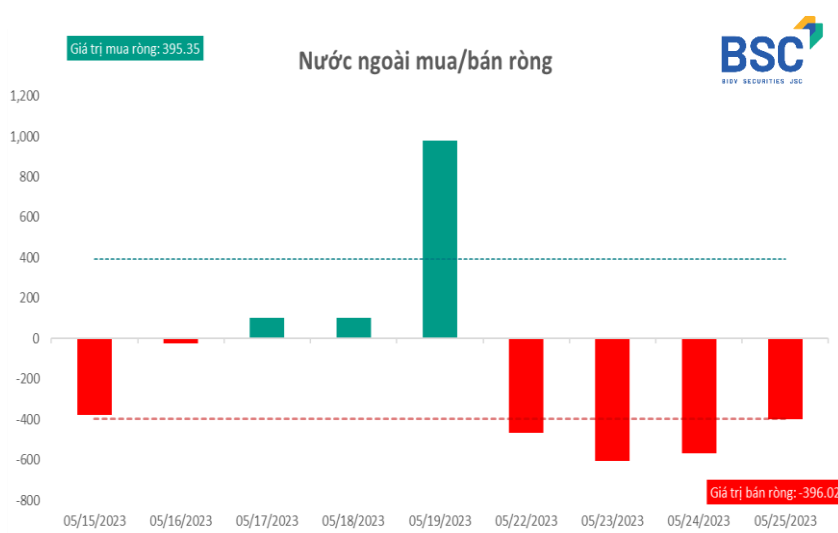
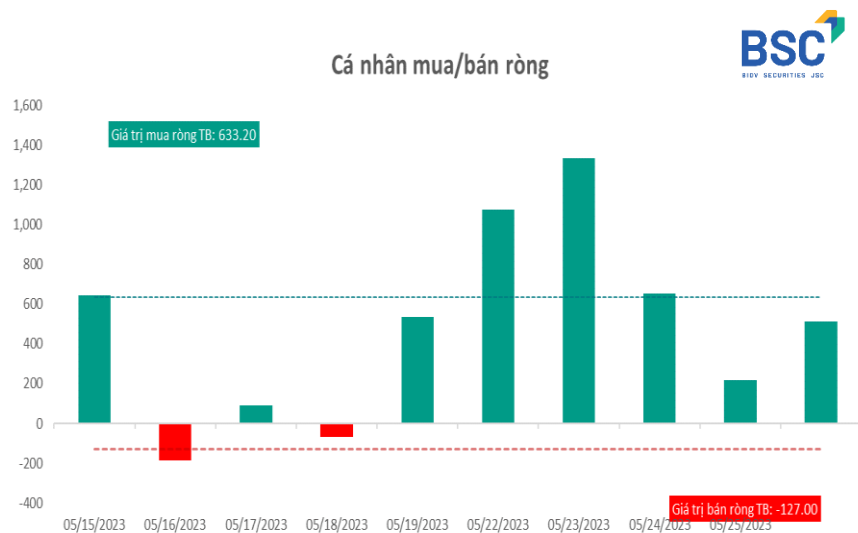


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Jan-23				Feb-23			Mar-23				Apr-23				May-23						
	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	Tổng
	79.18	61.48	94.85	13.93	65.02	15.39	4.01	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(271.55)
ETF ngoại	71.96	40.89	77.56	10.65	46.77	15.39	(1.69)	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	13.82
Fubon	1.48	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	107.97
VNM	19.48	30.72	35.29	0.00	3.11	0.00	0.59	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	(76.83)
FTSE	6.31	2.40	14.58	-	4.33	8.90	10.47	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	58.17
iShare	44.69	7.77	27.69	10.65	39.33	6.49	(12.75)	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(75.49)
ETF nội	7.22	20.59	17.29	3.28	18.25	-	5.70	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(285.37)
Diamond	3.44	8.34	3.90	1.24	14.87	-	-	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(67.09)
E1	1.60	7.97	13.39	2.04	3.38	-	5.70	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(219.74)
Finlead	2.18	4.28	-	-	-	-	-	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	1.46

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	8,896,400	198.43	PET	3,407,300	-83.55	VRE	3,779,200	105.18	VND	21,038,800	-340.97	ACB	32,285,552	808.99	EIB	7,483,446	-151.82
VCB	4,408,000	80.07	TCB	984,301	-29.69	VIC	1,506,800	79.24	HPG	15,261,300	-329.00	VNM	5,454,514	368.32	VIC	2,619,541	-137.55
STB	649,600	58.49	BMP	321,422	-25.53	POW	4,427,900	60.76	VNM	4,678,100	-315.98	HPG	15,437,677	333.44	VRE	3,341,018	-92.88
HPG	1,482,400	40.04	MBB	1,304,902	-24.28	VCB	442,600	39.51	CTG	7,511,100	-208.64	VND	19,732,437	319.30	NT2	981,296	-32.30
PVT	1,774,499	38.18	MWG	613,400	-23.48	EIB	1,228,800	24.04	MSN	2,177,800	-154.10	PET	7,827,200	185.26	POW	1,442,690	-19.89
CTI	650,000	13.54	PNJ	232,800	-16.78	NT2	648,500	21.39	HSG	9,244,000	-144.75	NVL	13,777,585	182.74	FRT	305,705	-19.20
VNE	844,900	11.99	DXS	2,121,900	-15.02	FRT	321,400	20.18	KBC	4,830,500	-129.95	STB	5,438,874	152.59	VIB	905,799	-19.06
NHH	1,000,000	10.60	VHM	219,500	-11.52	HCM	624,200	16.39	FUEVFN30	5,667,800	-126.56	HSG	9,429,669	147.71	SSI	660,102	-15.46
FUESSVFL	492,035	7.66	EVE	607,600	-11.34	HDG	458,600	16.21	NVL	8,768,700	-116.43	DPM	4,299,616	135.32	HHV	1,054,800	-14.78
	440,700	7.21	ACB	423,901	-10.57	VCI	430,600	14.83	DPM	3,175,600	-100.02	GEX	10,033,281	133.56	CTI	1,017,375	-14.46

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92	-1.29%	0.87	18,930.07	1.14	7,311.00	12.58	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	-0.80%	1.00	9,545.21	1.04	4,208.00	10.31	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.15	-0.26%	1.15	5,589.47	5.83	3,972.00	4.82	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	29.9	0.34%	1.37	4,572.41	2.32	14,982.00	2.00		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.45	0.00%	1.41	3,637.05	3.13	14,982.00	1.23	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	27.2	0.74%	1.27	2,229.47	13.44	4,640.00	5.86	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	17.2	2.69%	1.10	2,991.30	4.04	4,603.00	3.74	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	27	1.12%	1.68	901.10	6.29	4,880.00	5.53	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	41.3	0.00%	1.69	592.57	4.86			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	37.6	1.62%	1.64	732.95	2.01	1,217.00	30.90		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.1	-0.47%	1.00	5,334.43	14.73	1,916.00	11.01	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55	0.00%	0.88	10,412.62	4.33	1,896.00	29.01	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	0.00%	1.17	2,736.66	2.44	5,227.00	5.30	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	29.8	1.36%	0.40	928.76	4.16	1,576.00	18.91	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	32	2.24%	1.53	534.37	2.29	2,557.00	12.51	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	50.3	-0.79%	1.50	830.56	3.43	14,120.00	3.56	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	31.5	0.96%	1.32	535.96	1.54	6,793.00	4.64	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	23.6	0.85%	0.80	543.21	1.38	2,625.00	8.99	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	93.7	-1.06%	0.79	7,797.27	1.75	2,292.00	40.88	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	37.65	0.80%	1.13	2,079.90	1.21	1,340.00	28.10	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	30.3	-0.33%	1.31	629.67	9.21	993.00	30.51	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	23.85	-0.42%	1.55	576.42	4.20	7,698.00	3.10	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.6	1.12%	1.19	1,384.76	3.48	3,895.00	3.49	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	67.1	0.00%	1.20	6,097.22	2.65	2,605.00	25.76	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	72	0.00%	1.10	4,456.88	2.37	3,456.00	20.83	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	38.2	0.53%	1.28	2,430.48	1.46	7,475.00	5.11	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	72	1.12%	0.74	1,026.78	0.93	2,965.00	24.28	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	57.5	0.88%	1.20	458.44	0.73	12,800.00	4.49	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	49.6	-0.40%	0.69	649.93	0.80	7,059.00	7.03	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	83.1	-0.12%	0.76	3,990.00	3.12	5,901.00	14.08	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	27.8	0.72%	1.19	5,808.69	2.14	3,520.27	7.90	1.19	27.55%	16.13%
ACB	Ngân hàng	25	-0.40%	1.12	3,671.13	9.31	4,303.77	5.81	1.35	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	19.5	0.00%	0.95	2,132.50	1.02	3,148.88	6.19	1.26	19.63%	22.62%
LPB	Ngân hàng	14.15	1.43%	1.51	1,063.78	6.51	2,732.22	5.18	0.97	4.37%	19.91%
VIB	Ngân hàng	21.05	0.72%	1.31	1,928.98	2.19	4,162.83	5.06	1.36	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	15.95	0.63%	2.11	844.53	12.17	489.06	32.61	1.33		4.76%
TPB	Ngân hàng	23.65	1.07%	1.10	1,626.46	1.39	4,030.07	5.87	1.11	30.00%	20.89%
SSI	chứng khoán	22.55	0.22%	1.74	1,469.81	8.12	1,119.93	20.14	1.48		7.91%
CII	Xây dựng	17.3	3.28%	1.82	189.71	9.80	217.60	79.51	0.81	10.28%	1.02%
C4G	Xây dựng	13.4	1.52%	2.11	212.99	1.30	790.73	16.95	1.23	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	64	0.00%	1.85	205.52	1.13	183.95	347.91	0.57	48.47%	0.16%
HHV	Xây dựng	14.4	0.70%	1.65	192.71	7.14	966.26	14.90	0.61	2.08%	3.89%
LCG	Xây dựng	13	0.75%	2.11	110.07	5.35	780.72	17.10	0.99	3.31%	5.90%
BCM	KCN	77.4	0.00%	0.93	3,483.00	0.06	1,170.44	66.13	4.72	2.79%	8.07%
HUT	KCN	17.9	0.56%	1.52	271.33	1.44	161.84	110.60	1.60	1.95%	1.44%
PHR	KCN	46	0.33%	1.44	271.00	1.84	6,038.56	7.62	1.78	15.38%	24.10%
SZC	KCN	34.3	-0.15%	1.85	149.13	0.92	1,323.36	25.92	2.22	2.97%	8.95%
HSG	Vật liệu	15.35	-0.97%	2.10	399.14	9.94	(1,753.53)		0.88	16.67%	-9.62%
HT1	Vật liệu	14.35	0.00%	1.50	238.08	0.44	386.12	37.16	1.09	3.35%	2.89%
NKG	Vật liệu	14.7	-1.01%	2.26	168.27	3.03	(2,585.96)		0.74	11.61%	-11.84%
PTB	Vật liệu	43.8	-1.35%	1.02	129.57	0.56	6,016.80	7.28	1.11	13.78%	19.46%
KSB	Vật liệu	26.4	-0.75%	1.73	87.57	2.94	1,392.77	18.96	1.03	3.58%	5.58%
NVL	BĐS	12.95	-1.89%	0.97	1,097.99	11.36	362.35	35.74	0.68	5.82%	1.93%
DXG	BĐS	14.45	3.96%	2.20	383.26	12.49	(239.59)		0.96	20.02%	-1.63%
HDC	BĐS	34.8	1.46%	1.38	163.54	2.14	3,157.20	11.02	2.01	1.71%	20.89%
DIG	BĐS	20.8	1.22%	2.49	551.52	14.20	261.72	79.47	1.86	5.49%	2.12%
IJC	BĐS	14.3	0.00%	2.11	156.57	1.45	1,661.89	8.60	0.92	5.95%	11.25%
BSR	Dầu khí	17.1	3.01%	1.61	2,305.15	16.99	4,750.00	3.60	1.03	41.13%	33.16%
PVT	Dầu khí	21	-0.24%	1.28	295.51	2.48	2,740.01	7.66	1.10	15.64%	15.37%
PLC	Săm lốp	37	-0.27%	1.85	129.98	0.61	1,355.49	27.30	2.37	1.05%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	21.35	0.47%	1.32	110.27	0.15	2,246.06	9.51	1.35	8.81%	14.36%
REE	Tiện ích	61.5	0.82%	0.81	1,092.86	1.56	6,714.22	9.16	1.58	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	15	4.53%	1.85	555.32	20.27	9.99	1502.10	1.07	11.96%	0.07%
NT2	Tiện ích	32.9	0.00%	0.79	411.79	0.67	3,244.99	10.14	2.08	16.02%	20.92%
HDG	Tiện ích	34.75	1.76%	1.53	369.57	1.16	4,718.16	7.37	1.52	21.64%	22.63%
PC1	Tiện ích	29.1	1.57%	1.32	342.16	2.75	1,257.41	23.14	1.53	8.05%	6.82%
GEG	Tiện ích	16.55	1.22%	1.12	231.65	2.52	955.97	17.31	1.73	46.47%	5.74%
BCG	Dầu khí	9.13	-0.44%	2.15	211.76	3.51	220.40	41.42	0.73	1.76%	1.50%
SAB	Bán lẻ	155.5	-1.58%	0.15	4,335.62	0.48	7,649.00	20.33	4.14	62.53%	22.07%
QNS	Bán lẻ	43	-1.15%	0.52	667.32	0.54	4,226.00	10.18	1.74	19.05%	17.50%
FRT	Bán lẻ	63	0.32%	1.39	324.51	1.06	1,863.00	33.82	3.73	29.59%	11.52%
DGW	Bán lẻ	33.1	0.76%	1.69	240.44	0.60	3,396.50	9.75	2.18	22.30%	24.73%
DBC	Bán lẻ	19	2.39%	2.02	203.07	3.77	(1,339.12)		1.08	5.89%	-7.20%
PET	Bán lẻ	24.45	0.00%	2.35	105.05	0.39	1,025.57	23.84			4.26%
BAF	Bán lẻ	23.7	0.00%		147.89	2.12	1,408.62	16.82	1.80	0.24%	11.80%
ANV	Thủy sản	31.9	-0.16%	1.64	184.64	1.30	4,368.00	7.30	1.40	6.14%	20.07%
VSC	Logistics	28	-2.27%	0.45	147.63	0.29	2,086.56	13.42	1.29	3.01%	9.43%
HAH	Logistics	39.2	-0.76%	1.08	119.89	1.04	9,072.47	4.32	1.15	8.17%	34.36%
CTR	Công nghệ	69.9	-2.10%	1.31	347.63	0.49	4,040.07	17.30	4.57	10.71%	29.32%
TNG	Dệt may	19.3	0.00%	1.75	88.21	1.09	2,878.54	6.70	1.25	15.88%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

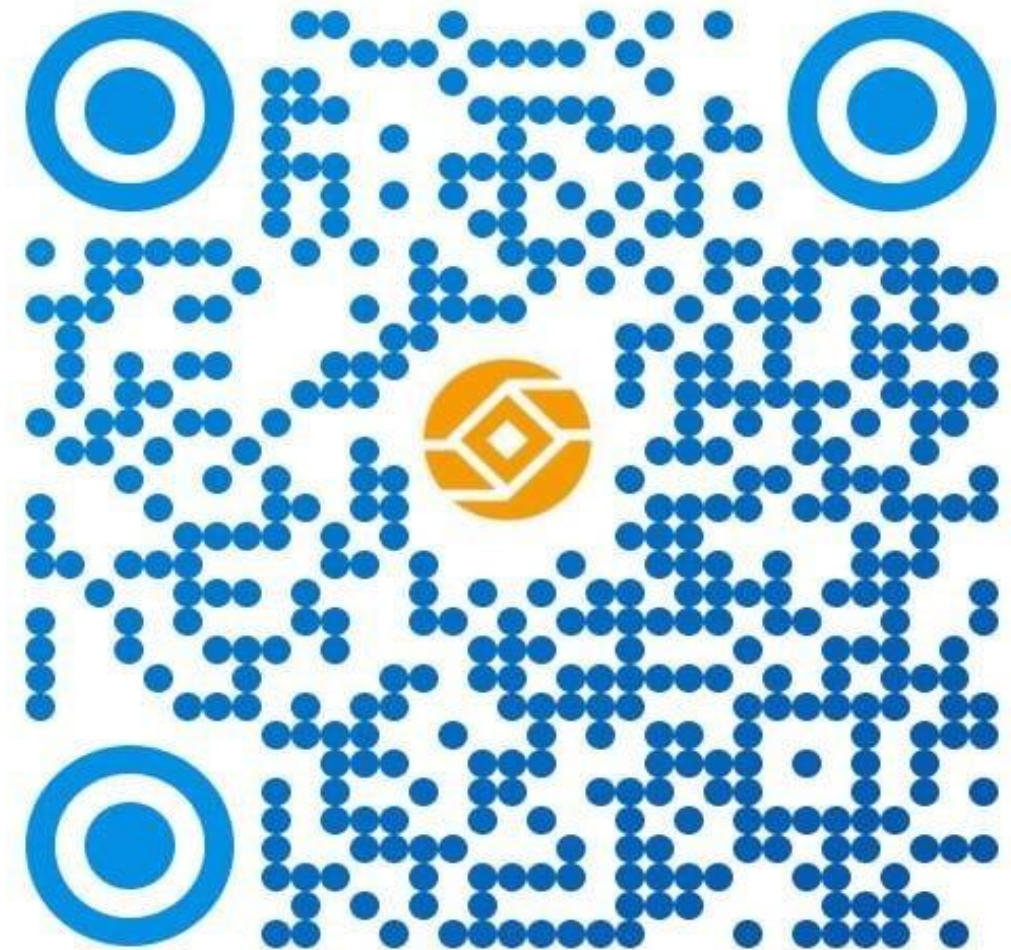
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký